

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 3 năm 2021

DANH SÁCH ĐIỂM THI
PHẦN I.2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 43, TẠI TRƯỜNG

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Ngọc Anh	01	15	8,5	Tám rưỡi	
2	Nguyễn Hoàng Anh	02	46	7,5	Bảy rưỡi	
3	Nguyễn Minh Chính	03	17	8,0	Tám	
4	Vũ Văn Cường	04	22	8,0	Tám	
5	Bùi Văn Cường	05	33	7,0	Bảy	
6	Nguyễn Việt Cường	06	42	8,5	Tám rưỡi	
7	Nguyễn Thị Đào	07	11	7,0	Bảy	
8	Hà Thế Đạt	08	34	7,5	Bảy rưỡi	
9	Nguyễn Văn Đoạt	09	12	7,0	Bảy	
10	Nguyễn Văn Đông	10	37	7,0	Bảy	
11	Trần Thị Hảo	11	07	8,5	Tám rưỡi	
12	Trần Đức Hoàn	12	28	7,0	Bảy	
13	Nguyễn Thị Huệ	13	04	8,0	Tám	
14	Trần Văn Hưng	14	38	8,0	Tám	
15	Đàm Quang Khải	15	39	7,0	Bảy	
16	Trần Văn Khánh	16	14	7,0	Bảy	
17	Ngô Văn Khương	17	06	8,0	Tám	
18	Dương Nghĩa Kỳ	18	13	7,5	Bảy rưỡi	
19	Hoàng Văn Lai	19	09	7,5	Bảy rưỡi	
20	Nguyễn Ngọc Linh	20	02	8,0	Tám	
21	Nguyễn Thị Thanh Mai	21	26	8,0	Tám	
22	Ma Văn Mẫn	22	27	7,5	Bảy rưỡi	
23	Nguyễn Thị Ngọc	23	24	7,5	Bảy rưỡi	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
24	Nông Thị Trang Nhung	24	19	8,0	Tám	
25	Lê Đức Quang	25	10	7,0	Bảy	
26	Lê Lâm Quế	26	35	6,5	Sáu rưỡi	
27	Đỗ Ngọc Quyên	27	25	7,5	Bảy rưỡi	
28	Đặng Văn Quyết	28	01	8,0	Tám	
29	Nguyễn Đức Quỳnh	29	32	7,5	Bảy rưỡi	
30	Trần Thị Sen	30	18	7,5	Bảy rưỡi	
31	Dương Ngọc Sơn	31	45	7,5	Bảy rưỡi	
32	Phan Quang Tài	32	52	7,0	Bảy	
33	Nguyễn Văn Tài	33	47	7,0	Bảy	
34	Nguyễn Minh Tâm	34	31	7,0	Bảy	
35	Vũ Xuân Thắng	35	50	7,0	Bảy	
36	Nguyễn Đình Thắng	36	41	8,0	Tám	
37	Triệu Đức Thành	37	49	7,0	Bảy	
38	Nguyễn Trung Thành	38	05	8,0	Tám	
39	Lương Quốc Thiện	39	51	7,5	Bảy rưỡi	
40	Hoàng Huy Thiết	40	23	7,0	Bảy	
41	Hoàng Văn Thiết	41	36	7,0	Bảy	
42	Nguyễn Đức Thìn	42	08	7,5	Bảy rưỡi	
43	Nguyễn Quý Thịnh	43	43	8,0	Tám	
44	Vũ Thị Thơm	44	16	8,0	Tám	
45	Nguyễn Thị Thúy	45	53	7,0	Bảy	
46	Hoàng Minh Tịnh	46	20	7,0	Bảy	
47	Hà Ngọc Tráng	47	21	7,5	Bảy rưỡi	
48	Nguyễn Bá Tuấn	48	48	7,5	Bảy rưỡi	
49	Bùi Mạc Tùng	49	44	7,0	Bảy	
50	Lê Quang Tùng	50	30	8,0	Tám	
51	Phạm Thị Cẩm Vân	51	40	7,5	Bảy rưỡi	
52	Đinh Thế Vinh	52	29	7,0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
53	Nguyễn Tuấn Vũ	53	03	8,0	Tám	
54	Tô Quyền	54	56	7,0	Bảy	P I.2-K52KTT
55	Nguyễn Thị Thanh Thùy	55	54	7,5	Bảy rưỡi	P I.2-K52KTT
56	Đỗ Đức Trung	56	60	7,5	Bảy rưỡi	P I.2-K52KTT
57	Đặng Khánh Duy	57	61	7,5	Bảy rưỡi	P I.2-K53KTT
58	Nguyễn Kiến Thọ	58	59	7,5	Bảy rưỡi	P I.2-K53KTT
59	Ngô Thị Thanh Hòa	59	58	7,5	Bảy rưỡi	P I.2-K11 Phú Bình
60	Quản Thị Liên Hương	60	62	8,0	Tám	P I.2-K1 ĐHY
61	Lê Thị Huế	61	57	7,5	Bảy rưỡi	P I.2-K53KTT
62	Dương Thị Đào	62	55	7,5	Bảy rưỡi	P I.2-K53KTT

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA LLCS
TRƯỞNG KHOA**



Vũ Mạnh Hà

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên